TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2019/QĐST-DS	*TP Kon Tum, ngày 16 tháng 7 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N;

Địa chỉ: Số N, đường T, Quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn T, chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng – Ngân hàng TMCP N- chi nhánh K.

Địa chỉ: Số P, đường Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Ông Trần B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số M, đường H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K số tiền tổng cộng là **1. 442. 754. 575** đồng (*Một tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó tiền gốc là 1.320..000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/7/2019 là **122.754.575** đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*), ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi trả nợ xong. Thời hạn trả là vào ngày 28/8/2019.

Khi ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 trả đủ số tiền phải trả, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K phải trả cho ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số BR 133, ngày 23/9/2014 mang tên ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1. Nếu ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 không trả đủ số tiền phải trả thì quyền sử dụng đất đã được cấp theo giấy chứng nhận nêu trên cùng các tài sản hiện có trên đất sẽ được phát mãi để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày 28/8/2019 Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nợ mà ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 không thi hành đủ khoản tiền phải trả thì ông Trần B và Nguyễn Thị T1 còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh K với ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1, thời gian tính lãi tính từ ngày 17/7/2019 cho đến khi trả nợ xong.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1phải chịu 27.641.318 đồng *(Hai mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm mười tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh K 27.280.000 *(Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001312 ngày 10-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum.

1.3 Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần B và bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh K số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP K;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự.
- Chi cục Thi hành án TP K;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Vũ Thị Hồng Dung